

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế H** – Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn L**

2. Bà **Phạm Thị Tr**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt A** - Thư ký tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Y** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 782/2020/TLST–HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2021/QĐST – HNGĐ ngày 27/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H – sinh năm 1974.

ĐKKHKT và chỗ ở: Phòng 50.. CT1.. chung cư Thông Tấn Xã, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1972.

ĐKHKT và chỗ ở: Phòng 50.. CT1... chung cư Thông Tấn Xã, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế C kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai cưỡng ép, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội vào ngày 24/12/1993. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai bên bất đồng trong quan điểm lối sống, nhiều lần xảy ra cãi cọ nhau, không có tiếng nói chung dẫn đến chiến tranh lạnh xảy ra thường xuyên. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải, vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Gần bốn năm nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai mà chỉ có trách nhiệm với con chung. Tháng 7 năm 2020 chị đã nộp đơn tại Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai nhưng sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng có thời gian hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng sau một thời gian mà vẫn không có kết quả. Anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng không ai hỏi ai, việc ai người đó làm.

Mâu thuẫn đã không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cường để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thế K, sinh ngày 13/10/1999 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 18/5/2009.

Do cháu K đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Q và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay mức thu nhập của chị là 6.500.000 đồng/tháng

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại Bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án - Bị đơn anh Nguyễn Thế C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội vào ngày 24/12/1993. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do hai bên bất đồng trong quan điểm sống và cách sống của mỗi người. Từ tháng 11 năm 2017 vợ chồng sống ly thân, không nói chuyện với nhau. Mâu thuẫn của anh chị cũng được gia đình hai bên hòa giải. Theo anh mặc dù vợ chồng có quan điểm và cách sống có lúc chưa được hòa hợp nhưng không nghiêm trọng đến mức ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Do đó việc chị H xin ly hôn anh không đồng ý.

- Về con chung: Anh C xác nhận anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thế K, sinh ngày 13/10/1999 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 18/5/2009.

Do cháu K đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thế Q và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn anh Nguyễn Thế C; Về con chung: 02 con chung là Nguyễn Thế K sinh năm 1999 và Nguyễn Thế Q sinh năm 2009, sau ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung là Q và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về các khoản nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thế C vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thu H đối với anh Nguyễn Thế C. Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Nguyễn Thế C.

- Về con chung: Anh chị cùng xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Thế K, sinh ngày 13/10/1999 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 18/5/2009. Do con chung là Nguyễn Thế K đã trên 18 tuổi đủ tuổi trưởng thành nên không xét. Giao con chung là Nguyễn Thế Q cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Thế C.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh, chị tự thỏa thuận.

- Về các khoản nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thu H đối với anh Nguyễn Thế C có chỗ ở tại: Phòng 50.. CT1.. chung cư Thông Tấn Xã, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội, thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau buổi giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/12/2020, Tòa án tiếp tục tiến hành hòa giải vào 08/01/2021 và ngày 19/3/2021 nhưng anh C đều vắng mặt không lý do mặc dù được tổng đạt giấy báo hợp lệ.

Anh Nguyễn Thế C đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử được xét xử vào ngày 27/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh C vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thế C.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thu H đối với anh Nguyễn Thế C, căn cứ vào lời khai của đương sự và các chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Nguyễn Thu H và anh Nguyễn Thế C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn theo “Giấy chứng nhận kết hôn” số 84 ngày 24/12/1993 tại UBND xã Đại Mỹ, huyện Từ Liêm (Nay là phường Đại Mỹ, quận Nam Từ Liêm), thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng chị tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 11/2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân đến nay được gần 4 năm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã để thời gian cho hai bên hàn gắn, hòa hợp nhưng không đạt kết quả.

Khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh C nhiều lần không đến Tòa án hòa giải chứng tỏ không có thiện chí đoàn tụ hàn gắn tình cảm gia đình, việc anh không đến Tòa án là gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, không tôn trọng pháp luật.

Xác minh tại địa phương nơi vợ chồng anh, chị chung sống được biết vợ chồng sống ly thân từ bốn năm nay, mâu thuẫn đã được ban quản lý khu chung cư hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại anh, chị sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không nói chuyện mà chỉ quan tâm chăm sóc con chung, tình trạng hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng, nên mục đích của hôn nhân nhằm xây dựng gia đình hòa

thuận hạnh phúc không đạt được. Chị H có yêu cầu ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn phù hợp và có căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh, chị xác nhận có hai con chung là Nguyễn Thế K, sinh ngày 13/10/1999 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 18/5/2009.

Do cháu K đã đủ 18 tuổi, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét. Sau khi ly hôn, cả anh và chị đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn chính đáng, cả hai anh chị đều có đủ điều kiện chăm sóc con tốt nhưng cháu Q có nguyện vọng ở với mẹ xét nên tôn trọng quyết định của cháu. Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung là Q cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Thế C cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung và nhà đất ở chung: Anh, chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về các khoản nợ chung: Anh, chị xác nhận không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự.

2.6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thu H đối với anh Nguyễn Thế C. Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Nguyễn Thế C.

2. Về con chung: Anh, chị xác nhận có hai con chung là Nguyễn Thế K, sinh ngày 13/10/1999 và Nguyễn Thế Q, sinh ngày 18/5/2009.

Do cháu K đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xét. Sau khi ly hôn, giao con chung là Nguyễn Thế Q cho chị Nguyễn Thu H trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Thế C cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Thế C có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (Động sản và bất động sản): Anh, chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên không xét.

4. Về các khoản nợ chung: Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu nên không xét.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thu H đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 6085 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Chị Nguyễn Thu H đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thu H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Thế C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. Hoàng Mai;
- Chi cục THADS Q. Hoàng Mai;
- UBND phường Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội..(Số 84 ngày 24/12/1993).
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế H

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 ngày 26 tháng 10 năm 2020.

Tại: Trụ sở TAND quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh

Bà Nguyễn Thị Bình

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 875/2019/ TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ, sinh năm 1973

HKTT: P 210, B20, tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội.

Nơi cư trú: Số 8 ngõ 14 phố Đông Tác, phường Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội; Có mặt.

2.Bị đơn: Ông Nguyễn Quang Ngọc, sinh năm 1971

HKTT: P 210, B20, tập thể Kim Liên, phường Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội

Nơi cư trú: P301, A3, Đèn Lừ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Hiện đang Thi hành án tại Đội 31, K2, trại giam số 6, xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Về tố tụng: Anh Thân Đức Cường đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Thông báo đến tòa ghi ý kiến, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định nhưng anh

Cường không đến tòa. Bản thân chị Mai cũng không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Cường ở đâu, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết. Căn cứ , khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thân Đức Cường.

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng , án phí lệ phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Kết quả biểu quyết: 3/3

- Về phần quyết định:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai. Chị Nguyễn Thị Mai được ly hôn anh Thân Đức Cường.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mai xác nhận không có nên không xét.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai xác nhận không có nên không xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mai phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Mai đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số0004663 ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai. Chị Nguyễn Thị Mai đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Mai được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Thân Đức Cường được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 26 tháng 10 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA